| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐẠ HUOAI**<br>**TỈNH LÂM ĐỒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07-9-2023
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI – TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Đinh Xuân Trường

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Cao Anh Tuấn

2. Ông Phạm Chẩn

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Mã Thị Oanh là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2023/TLST–HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982

Thường trú tại: Số F đường P, tổ dân phố G, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên hệ: Số F đường P, tổ dân phố G, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(bà T có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1970

Thường trú tại: Số F đường P, tổ dân phố G, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(ông D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ghi ngày 03 tháng 5 năm 2023, ngày 17 tháng 5 năm 2023 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 11/4/2019 và có tổ chức đám cưới. Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn D chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông D không chăm lo con chung, bất đồng trong cách chăm sóc con, nhiều lần uống rượu chửi bới vợ con, đập phá đồ đạc, bà T đã khuyên nhủ ông D nhiều lần nhưng tính tình ông D vẫn không thay đổi. Đến tháng 10 năm 2021 bà T có nộp đơn khởi kiện ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng nhưng bà T đã rút đơn ly hôn về để vợ chồng hàn gắn tình cảm và Tòa án đã quyết định đình chỉ vụ án. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải được. Bà T và ông D đã sống ly thân từ tháng 7/2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đang sống ly thân thời gian dài không ai quan tâm đến ai nên bà Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn D sinh được 01 con chung là Nguyễn Thụy T1, sinh ngày 25/4/2019. Hiện nay con chung Nguyễn Thụy T1 đang ở với bà T. Bà T có chỗ ở hợp pháp và có thu nhập đủ điều kiện nuôi con chung. Khi ly hôn bà Nguyễn Thị T yêu cầu được nuôi một con chung là Nguyễn Thụy T1, sinh ngày 25/4/2019 và bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông Nguyễn Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thụy T1, sinh ngày 25/4/2019 hàng tháng mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi con chung đến tuổi thành niên.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T trình bày vợ chồng không có nợ chung.

Ngoài ra bà Nguyễn Thị T không trình bày hay yêu cầu gì khác.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai của bị đơn ông Nguyễn Văn D.

Vụ án đã được Toà án đưa ra hoà giải nhiều lần nhưng không tiến hành hòa giải được vì lý do vắng mặt bị đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng đã có bài phát biểu đánh giá về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đánh giá về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Bài phát

biểu đã đánh giá Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đánh giá nguyên đơn bà Nguyễn Thị T chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Nguyễn Văn D không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn D, về con chung đề nghị giao con chung là Nguyễn Thụy T1, sinh ngày 25/4/2019 cho bà Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chung ông Nguyễn Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thụy T1, sinh ngày 25/4/2019 hàng tháng mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi con chung đến tuổi thành niên, về án phí bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn D, bị đơn ông Nguyễn Văn D có nơi cư trú tại số F đường P, tổ dân phố G, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là vụ án tranh chấp ly hôn và Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn D là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 11/4/2019 vì vậy hôn nhân được xác lập giữa bà T và ông D là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn bà T trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông D không chăm lo con chung, bất đồng trong cách chăm sóc con, nhiều lần uống rượu chửi bới vợ con, đập phá đồ đạc, bà T đã khuyên nhủ ông D nhiều lần nhưng tính tình ông D vẫn không thay đổi. Đến tháng 10 năm 2021 bà T có nộp đơn khởi kiện ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng nhưng bà T đã rút đơn ly hôn về để vợ chồng hàn gắn tình cảm và Tòa án đã quyết định đình chỉ vụ án. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải được. Bà T và ông D đã sống ly thân từ

tháng 7/2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đang sống ly thân thời gian dài không ai quan tâm đến ai nên bà Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn D. Căn cứ vào quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng thì thấy rằng ngày 15/11/2021 Tòa án đã thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn ông Nguyễn Văn D và đến ngày 28/02/2022 Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án vì người khởi kiện rút đơn khởi kiện. Như vậy, sau khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn thì bà T đã tiếp tục khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông D. Bị đơn ông Nguyễn Văn D đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ nhưng bị đơn không đến và cũng không cho biết ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ bị đơn đã không còn mong muốn hàn gắn tình cảm gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững. Căn cứ biên bản xác minh ngày 17/8/2023 của Tòa án tại Hội L phụ nữ thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng về hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn D thì hiện tại bà T và ông D không còn ở với nhau nữa. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của bà T về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là đúng với thực tế.

Xét thấy hiện nay mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông D trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân giữa bà T và ông D không đạt được, vợ chồng không còn sống chung với nhau thời gian dài và không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T, cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn D là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

[3] Về con chung: Bà T trình bày trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn D sinh được 01 con chung là Nguyễn Thụy T1, sinh ngày 25/4/2019. Khi ly hôn bà Nguyễn Thị T yêu cầu được nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Thụy T1, sinh ngày 25/4/2019 đến khi con chung thành niên.

Tại bản sao trích lục khai sinh số 143/TLKS-BS ngày 07/5/2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thể hiện họ tên Nguyễn Thụy T1, ngày tháng năm sinh 25/4/2019, họ tên mẹ Nguyễn Thị T, họ tên cha Nguyễn Văn D. Căn cứ khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình thì xác định 01 con chung tên Nguyễn Thụy T1, ngày tháng năm sinh 25/4/2019 là con chung của bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn D.

Xét thấy hiện nay con chung Nguyễn Thụy T1 đang ở với bà T vẫn phát triển tốt, con chung còn nhỏ và là con gái, còn ông Nguyễn Văn D không có ý kiến, nguyện vọng gì về con chung. Bà T yêu cầu nuôi 01 con chung là Nguyễn Thụy T1. Bà T có chỗ ở hợp pháp và có thu nhập nên đủ điều kiện nuôi con chung. Để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại hay tâm lý của con chung đồng thời để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 01 con

chung là Nguyễn Thụy T1, sinh ngày 25/4/2019 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đến tuổi thành niên là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông Nguyễn Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thụy T1, sinh ngày 25/4/2019 hàng tháng mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi con chung đến tuổi thành niên.

Xét thấy ông Nguyễn Văn D là cha và không sống chung với con chung Nguyễn Thụy T1 chưa thành niên nên căn cứ vào Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình thì ông Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thụy T1 là đúng quy định của pháp luật.

Về mức cấp dưỡng bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông Nguyễn Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thụy T1, sinh ngày 25/4/2019 hàng tháng mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi con chung đến tuổi thành niên thì thấy rằng: Căn cứ nhu cầu thiết yếu của con chung về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của con chung, căn cứ biên biên bản xác minh tại Tổ trưởng tổ dân phố G, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ngày 31/8/2023 của Toà án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng thì ông Nguyễn Văn D là lao động tự do, thu nhập không ổn định, ông D không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, không thuộc đối tượng bảo trợ xã hội, trợ cấp xã hội hàng tháng nên ông D có khả năng cấp dưỡng nuôi con chung.

Từ những nhận định trên, căn cứ vào các Điều 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về cấp dưỡng nuôi con chung, buộc ông Nguyễn Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thụy T1, sinh ngày 25/4/2019 hàng tháng mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi con chung đến tuổi thành niên là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế, góp phần đảm bảo cuộc sống và sự phát triển của con chung.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung là đúng pháp luật.

[6] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T trình bày vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về nợ chung là đúng pháp luật.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện ly hôn nên phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên ông Nguyễn Văn D phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, khoản 1 Điều 88, Điều 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Văn D về việc tranh chấp ly hôn.

Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

2. Về con chung:

Giao một con chung là Nguyễn Thụy T1, sinh ngày 25/4/2019 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đến tuổi thành niên.

Ông Nguyễn Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thụy T1, sinh ngày 25/4/2019 hàng tháng mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung Nguyễn Thụy T1 đến tuổi thành niên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Nguyễn Thị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên liên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011128 ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn D phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 07/9/2023); Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và 9 Luật thi hành án dân sự, các Điều 7 và Điều 7a Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Đạ Huoai;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
**(ĐÃ KÝ)**

**Đinh Xuân Trường**